

Xu hướng biến đổi văn hóa của người Khmer ở Sóc Trăng trong bối cảnh hội nhập

Phạm Thị Cẩm Vân¹, Hoàng Thị Lê Thảo²

^{1,2} Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: phamcamvan0403@gmail.com

Nhận ngày 8 tháng 7 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 6 tháng 10 năm 2020.

Tóm tắt: Người Khmer là một trong 53 dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Cộng đồng người Khmer sinh sống tập trung ở tỉnh Sóc Trăng nói riêng và ở vùng Nam Bộ nói chung, có bề dày lịch sử cư trú lâu đời, đã tạo nên một nền văn hóa độc đáo và đa dạng. Trong quá trình công nghiệp hóa, hội nhập quốc tế, đặc trưng văn hóa của người Khmer nơi đây đang có những biến đổi. Bài viết này bước đầu đề cập đến ba hướng biến đổi văn hóa của người Khmer ở Sóc Trăng là: xu hướng giữ gìn phát huy các giá trị văn hóa, xu hướng suy giảm một số đặc trưng văn hóa và xu hướng tiếp biến văn hóa trong bối cảnh hội nhập. Với quan điểm phát triển đời sống văn hóa phải được tiến hành song song với phát triển kinh tế, ổn định về chính trị để tạo bước tiến phát triển bền vững, các trình bày trong bài viết sẽ góp phần vào việc nhận định văn hóa dân tộc Khmer ở Sóc Trăng trong bối cảnh hội nhập hiện nay, cũng như trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Từ khóa: Văn hóa, Khmer, hội nhập, dân tộc, Sóc Trăng.

Phân loại ngành: Dân tộc học

Abstract: The Khmer are one of the 53 ethnic minority groups in Vietnam. Their community is concentrated in Soc Trang Province in particular and in Vietnam's Southern region in general, with a long history of residence, creating a unique and diverse culture. In the process of industrialisation and international integration, the cultural characteristics of the Khmer people there are undergoing changes. This article initially addresses the three trends of culture changes of the Khmer in the province, namely the tendency to preserve and bring into play their cultural values, that of some cultural characteristics declining, and that of acculturation in the context of integration. With the view that cultural development must be conducted in parallel with economic development and political stability to create sustainable development, the article will contribute to identifying the culture of Khmer people in Soc Trang in the current context of integration, as well as in the country's socio-economic development.

Keywords: Culture, Khmer, intergration, ethnic, Soc Trang province.

Subject classification: Ethnology

1. Mở đầu

Việt Nam được biết đến với sự đa dạng văn hóa của cộng đồng 54 dân tộc. Hội nhập quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu và Việt Nam không nằm ngoài xu thế đó. Quá trình này sẽ thúc đẩy giao lưu, kinh tế phát triển, đồng thời bản sắc văn hóa của người dân tại chỗ cũng có nhiều biến đổi. Ở tỉnh Sóc Trăng, dân tộc Khmer hiện có 397.014 người, là cộng đồng dân tộc thiểu số có số dân đứng thứ 2 (sau người Kinh) ở trong tỉnh Sóc Trăng và trong cả vùng Tây Nam Bộ [1]. Với lịch sử cư trú lâu đời, người Khmer đã cùng với các cộng đồng dân tộc vùng Nam Bộ tạo nên một nền văn hóa đa dạng và đặc sắc. Đặc trưng văn hóa của người Khmer đã được đề cập trong nhiều nghiên cứu của các tác giả: Đoàn Thanh Nô [9], Trường Lưu [7], Trần Văn Bôn [4], Nguyễn Mạnh Cường [5], Tiền Văn Triệu, Lâm Quang Vinh [12], Huỳnh Thanh Quang [10], Phạm Thị Phương Hạnh [6]... Trong các công trình này, đặc trưng văn hóa truyền thống của người Khmer được mô tả rất rõ nét, nhưng những xu hướng biến đổi của văn hóa Khmer trước quá trình hội nhập hiện nay lại chưa được đề cập một cách cụ thể. Trước thực trạng đó, bài viết được thực hiện bước đầu việc nhận diện những xu hướng biến đổi văn hóa của người Khmer ở Sóc Trăng nói riêng và ở vùng Nam Bộ nói chung nhằm đưa giải pháp cho sự phát triển hài hòa kinh tế, văn hóa, xã hội trong bối cảnh hội nhập hiện nay. Cơ sở dữ liệu dựa trên tổng quan các

tài liệu sẵn có và kết quả phỏng vấn sâu tại Sóc Trăng và An Giang tháng 12 năm 2019.

2. Một số đặc trưng văn hóa truyền thống của người Khmer ở Sóc Trăng

Sóc Trăng là tỉnh thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long có diện tích tự nhiên là 3.311,6 km². Toàn tỉnh có 08 huyện, 02 thị xã và 01 thành phố, với 109 xã, phường, thị trấn và 775 khóm, ấp. Dân số của tỉnh là 1.307.749 người, bao gồm: dân tộc Kinh (64,24%); dân tộc Khmer (30,71%), dân tộc Hoa (5,02%) và dân tộc khác (0,03%) [1]. Người Khmer đã định cư, lập nghiệp ở vùng đồng bằng sông Cửu Long từ khoảng cuối thế kỷ XI. Cho đến nay, người Khmer đã thành lập phum, sóc, xây dựng chùa tại nhiều nơi, chủ yếu trên vùng đất giồng ven sông rạch và ven biển Đông của tỉnh Sóc Trăng [14].

Về sinh kế: Sinh kế chính của người Khmer là sản xuất nông nghiệp: trồng trọt (lúa, nhãn, xoài, dưa hấu, mía, hành tím, họ, cải xanh, củ cải trắng,...), chăn nuôi (trâu, bò, heo, gà, vịt,...) và nuôi trồng thủy sản (cá, tôm); tiểu thủ công nghiệp: làm gôm, dệt vải, làm bún, đan lát đồ dùng bằng tre, trúc, vẽ tranh trên kính, dệt vải lụa, làm mắm, dệt chiếu,...; trao đổi buôn bán chủ yếu là các loại nông - lâm - thủy sản do họ làm ra [8].

Về nhà ở: Đến nửa đầu thế kỷ XX, nhà ở của người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng phần nhiều là nhà sàn được làm từ các vật

liệu cây gỗ, tre, lá,... có sẵn tại địa phương. Nhà ở truyền thống của người Khmer thường là kiểu nhà nóc mái, được làm với nhiều vật liệu xây dựng truyền thống như: tre, lá, gỗ,... và hiện đại như: gạch, ngói, xi măng, cốt thép,... tùy theo khả năng kinh tế của gia đình. Ngày nay, đa số ở vùng người Khmer đã xuất hiện nhiều ngôi nhà xây theo kiểu nhà của người Kinh [15].

Về trang phục: Trang phục của người Khmer tỉnh Sóc Trăng hiện nay cũng giống như người Kinh ở địa phương, là những bộ Âu phục, đồ trang sức và bộ bà ba. Trang phục truyền thống của họ còn lưu giữ lại chủ yếu dành cho cô dâu may mặc để làm lễ cưới theo phong tục là chiếc xampôt, áo ngắn và mũ sài an. Một số phụ nữ mặc loại áo ngắn tay, tay dài lờ, cổ tròn, không túi và xà rông [15].

Về ẩm thực: Bên cạnh những đồ ăn, thức uống phổ biến trong văn hóa ẩm thực của cộng đồng dân cư ở nơi đây, người Khmer tỉnh Sóc Trăng đã chế biến nhiều món ăn truyền thống từ nguồn động - thực vật sẵn có trong thiên nhiên như: mắm bò hóc, mắm bò ót, canh xiêm lo, bún nước lèo, các loại dưa chua, côm dẹp,...[15].

Về tôn giáo tín ngưỡng: Đối với người Khmer, Phật giáo Nam tông là tôn giáo của toàn cộng đồng, có ảnh hưởng sâu đậm đến mọi lĩnh vực đời sống dân cư, từ hoạt động kinh tế đến đời sống văn hóa vật chất, đời sống văn hóa tinh thần và đời sống chính trị - xã hội của họ. Mỗi phum, sóc thường là tương đương với đơn vị hành chính cấp ấp, có ít nhất một ngôi chùa. Chùa Khmer là nơi ngoài việc tu học, thực hành nghi lễ tôn giáo của sư sãi, còn là nơi tổ chức các lễ hội cộng đồng, dạy chữ Pali, chữ Khmer, giáo lý đạo Phật,... Chùa Phật giáo Nam tông của người Khmer không chỉ

là trung tâm tôn giáo, mà còn là trung tâm văn hóa xã hội của cộng đồng, nơi bảo lưu các giá trị văn hóa truyền thống. Chùa Khmer có vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống của mỗi cá nhân và toàn cộng đồng. Trước đây, đàn ông Khmer phải vào chùa tu học trong một thời gian để trở thành người có trí thức, có đạo đức và có địa vị trong xã hội. Nhằm để lại phúc đức cho đời sau, người Khmer luôn làm phước, góp công, góp của phụng sự chùa, xây dựng chùa khang trang uy nghiêm, linh thiêng trong từng phum, sóc. Có thể nói, người Khmer theo Phật giáo Nam tông, kể từ khi sinh ra cho đến lúc qua đời, luôn gắn bó cả cuộc đời mình với chùa. Khi còn sống họ tụ cư quây quần xung quanh chùa và khi mất đi, tro cốt của họ được gửi vào chùa [4].

Các loại hình tín ngưỡng Arak và Niết Tà tồn tại phổ biến trong cộng đồng người Khmer. Arak là thần bảo hộ gia đình, dòng họ, Niết Tà là thần bảo hộ phum, sóc. Trước đây, mỗi khi có xích mích lẫn nhau, người Khmer thường đến miếu Niết Tà làm lễ ăn thề để được “phân xử” lẽ đúng sai.

Người Khmer ở Sóc Trăng hiện nay tổ chức khá nhiều lễ hội cộng đồng, phản ánh trong đó đời sống của dân cư nông nghiệp ở vùng sông nước duyên hải giáp biển Đông và sớm chịu ảnh hưởng của Phật giáo Nam tông. Các lễ hội tiêu biểu như: Chôl Chnăm Thmây, Đôn Ta, Oóc Om Bóc, Phước Điền, Thắc Kôn,...[13].

Về nghệ thuật: người Khmer lưu truyền nhiều loại nhạc cụ hợp thành các dàn nhạc như: dàn nhạc dây, dàn nhạc ngũ âm, dàn nhạc Dù Kê, dàn nhạc Rô Băm...; múa trống Sadăm, múa Ramvong, múa hát Aday; nghệ thuật sân khấu Dù Kê, nghệ thuật sân khấu Rô Băm. Bên cạnh đó, nghệ thuật kiến trúc và mỹ thuật trang trí

của người Khmer cũng rất độc đáo, được thể hiện ở các ngôi chùa, nhất là đối với các chùa cổ của họ [15].

Về ngôn ngữ: người Khmer sử dụng tiếng Khmer trong giao tiếp giữa người Khmer với nhau. Trong giao tiếp với người Kinh, người Khmer vẫn sử dụng tốt tiếng Việt, chỉ có một số ít người Khmer lớn tuổi việc giao tiếp tiếng Việt còn hạn chế [7].

Đám cưới truyền thống của người Khmer có 14 nghi thức quan trọng diễn ra trong nhiều ngày với nhiều lễ vật, quy định khác nhau, bao gồm các nghi thức như: lễ hỏi, cúng Neak ta, quét chiếu, thỉnh sư tụng kinh chúc phúc, lễ buộc tay, lễ cắt tóc, làm răng, lễ mở cửa rạp, lễ làm ba bó hoa cau, lạy mặt trời lúc hừng đông, lễ lạy mặt, lễ động phòng, lễ rửa chân cho cô dâu chú rể, mang mâm cơm vào chùa sau lễ cưới [10].

Trong đám tang truyền thống, nghi thức an táng chủ yếu do một vị *achar* thông thạo phong tục truyền thống của đồng bào Khmer thực hiện. Trong đám tang có các lễ như: lễ vẩy nước cầu siêu các vị sư đến đọc kinh và làm nghi thức vẩy nước thơm cầu phúc để cầu siêu cho linh hồn người chết trước khi đặt thi hài trong quan tài, nếu không có nghi thức này người chết không siêu thoát; lễ tiễn đưa linh cữu đợi ngày giờ tốt mới sắp xếp đưa quan tài đi thiêu. Theo phong tục nếu con trai người chết chưa từng đi tu ở chùa thì người con trai đó phải làm nghi thức cạo đầu để “tu trước lửa”, trả hiếu cho cha mẹ. Hòa táng là hình thức an táng truyền thống của người Khmer [9].

3. Xu hướng giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa người Khmer trong bối cảnh mới

Trước sự phát triển của kinh tế xã hội, văn hóa của người Khmer đã có nhiều thay đổi,

đặc biệt là sự ảnh hưởng của văn hóa người Kinh. Chính vì thế, Đảng và Nhà nước đã đưa ra nhiều chính sách nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của người Khmer. Tại Sóc Trăng, bên cạnh những chính sách chung được áp dụng nhằm gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa của cộng đồng các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, còn có chính sách riêng đối với người Khmer như: QĐ số 28/2005/QĐ-BGD&ĐT ban hành ngày 30/08/2005 về việc “Ban hành tạm thời Chương trình tiếng Khmer ở trường tiểu học và trung học cơ sở; Chỉ thị số 68-CT/TW ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư (khóa VI) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer (*nay là Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư (khóa XII) về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới*); Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nghệ thuật sân khấu Dù Kê trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2016 - 2020 [13],... Cho đến nay, việc thực hiện các chính sách đã đem lại một số kết quả trong bảo tồn văn hóa người Khmer ở Sóc Trăng.

Về ngôn ngữ, chữ viết: Trong khoảng 10 năm trở lại đây, việc học và dạy chữ Khmer ở Sóc Trăng đã có nhiều thay đổi theo hướng tích cực. Nếu như trước đây, dạy và học chữ Khmer chỉ có ở các chùa, các thầy Lục cả sẽ dạy chữ Khmer cho những ai đến tu tại chùa. Từ năm 2005, sau khi Quyết định số 28/2005/QĐ-BGD&ĐT ban hành ngày 30/08/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, học sinh Khmer đã có bộ giáo trình học chữ Khmer ngay từ bậc tiểu học. Sách song ngữ cũng ngày càng được

chú ý biên soạn và dùng trong dạy học nhiều hơn. Cho đến năm 2018, từ sau khi *Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư (khóa XII)* ra đời, một trong các mục tiêu của Chỉ thị là: “Phấn đấu đến năm 2020 cơ bản xóa mù chữ cho đồng bào. Xây dựng chương trình, quy chế thống nhất về nội dung giảng dạy, tuyển sinh đối với Trường Bổ túc văn hóa Pali và chữ Khmer ở các cấp học và Học viện Phật giáo Nam tông Khmer” [2]. Điều này tiếp tục thúc đẩy việc học tiếng và học chữ Khmer phát triển. Đến cuối năm học 2017-2018, tỉnh Sóc Trăng có 159 trường dạy tiếng Khmer ở tất cả các cấp học (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường bổ túc văn hóa). Không chỉ có vậy, việc đào tạo tiếng Khmer cũng được quan tâm ở bậc đại học. Cụ thể là việc mở trường sư phạm ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long nhằm đào tạo và bồi dưỡng giáo viên là người dân tộc Khmer, kể cả nhà sư; sinh viên người Khmer được miễn học phí và cấp học bổng cho những học sinh thuộc diện chính sách và có kết quả học tập xuất sắc. Cũng từ đó, đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực là người Khmer có điều kiện hình thành và phát triển. Chính điều này sẽ tạo cho cộng đồng người Khmer có điều kiện tiếp nhận, sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa của chính dân tộc mình.

Về chùa Khmer, với mục tiêu “Quan tâm bảo vệ di sản văn hóa chùa chiền dân tộc Khmer, kết hợp với việc xây dựng nhà văn hóa trong vùng đồng bào Khmer; nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ sửa chữa, trùng tu chùa chiền cho đồng bào dân tộc Khmer” [2]. Thống kê năm 2018, toàn tỉnh Sóc Trăng có 97 ngôi chùa của người Khmer, việc phát huy vai trò của nhà chùa

đang được thực hiện tốt. Đây không chỉ là nơi sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng, mà còn là địa chỉ tin cậy trong việc tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tuyên truyền các kỹ thuật trong phát triển sản xuất.

Về lễ hội, việc bảo tồn và phát huy các lễ hội truyền thống của người Khmer rất được quan tâm. Từ năm 2003 đến nay, “*Ngày hội Văn hóa - Thể thao dân tộc Khmer Nam Bộ*” thường xuyên được tổ chức 2 năm/1 lần ở các tỉnh Tây Nam Bộ. Tại đây, các nghệ nhân người Khmer có cơ hội gặp mặt, biểu diễn các đặc trưng văn hóa của dân tộc. Đây cũng làm dịp để gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc của đồng bào Khmer ở Nam Bộ. Năm 2008, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa *Lễ hội Óc Om Bóc* vào danh sách 15 lễ hội thuộc Chương trình quốc gia về Du lịch Việt Nam.

Về nghệ thuật: một số loại hình nghệ thuật tiêu biểu của người Khmer Nam Bộ đang được lập hồ sơ đề nghị công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia: nghệ thuật sân khấu Rô Băm, múa Rom Vong, nghệ thuật trình diễn nhạc Ngũ âm... Đặc biệt, di sản văn hóa phi vật thể “*Nghệ thuật sân khấu Dù Kê của người Khmer Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng*” đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Tỉnh Sóc Trăng cũng đã xây dựng bảo tàng trưng bày và giới thiệu về văn hóa Khmer. Không chỉ có vậy, địa phương còn có thực hiện việc củng cố và duy trì đội văn nghệ dân tộc Khmer chuyên nghiệp như: Đoàn nghệ thuật Khmer Sóc Trăng, khuyến khích phong trào văn nghệ quần chúng phát triển.

Người Khmer được biết đến với sự đa thanh sắc của dàn nhạc Ngũ âm. Tuy nhiên,

theo thời gian số lượng người biết chơi Ngũ âm không còn nhiều. Những năm gần đây, để bảo tồn loại hình nghệ thuật này, Sóc Trăng đã lên kế hoạch tổ chức dạy và biểu diễn nhạc Ngũ âm tại các chùa. Hiện nay chùa Dơi tại Sóc Trăng có đã có nhóm nghệ nhân 5 người tham gia biểu diễn Ngũ âm trung bình 2 buổi/ tuần, kinh phí được địa phương hỗ trợ. Mục đích của hoạt động này là duy trì và truyền dạy cho giới trẻ Khmer đồng thời giới thiệu cho du khách tới thăm chùa Dơi hiểu biết hơn về loại hình nghệ thuật này. Ngoài ra, nhà chùa cũng có dạy Ngũ âm cho các thanh niên trẻ khi vào tu tại chùa. Các trường nội trú ở Sóc Trăng hiện nay cũng có những ưu tiên khuyến khích cho học sinh biết và chơi nhạc Ngũ âm.

4. Xu hướng tiếp biến văn hóa thông qua giao lưu trong nước và hội nhập quốc tế

Trong xu thế hội nhập và giao lưu trong nước, quốc tế, sự phát triển về kinh tế - xã hội đã tạo điều kiện để văn hóa người Khmer tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại cho phù hợp với hoàn cảnh mới. Sự tiếp biến văn hóa ở người Khmer thể hiện rõ nhất trong các lễ hội hiện nay của họ.

Người Khmer được biết đến là một trong các cộng đồng dân tộc có hệ thống lễ hội phong phú. Trong số đó, lễ hội Cúng trăng cùng với Đua ghe ngo của người Khmer đã và đang được người dân trong và ngoài nước biết tới. Quá trình hội nhập diễn ra mạnh mẽ, lễ hội Cúng trăng cùng với Đua ghe ngo đã có nhiều biến đổi, đặc biệt là ở quy mô tổ chức lễ hội. Nếu như trước đây, lễ hội do các sư trong chùa của từng phum,

sóc cùng dân làng đứng ra tổ chức. Trong dịp này, toàn bộ dân làng tập trung trong chùa cùng nhau hát múa... Ngày nay tại Sóc Trăng, do tính chất đặc thù, lễ hội đã được chính quyền địa phương đứng ra tổ chức. Mỗi đội đua ghe là đại diện cho một chùa ở Sóc Trăng. Địa điểm diễn ra cuộc đua ghe ngo là tại thành phố Sóc Trăng, Tất cả các ghe của các tỉnh đều về đây tham dự. Các chương trình văn nghệ chủ yếu là các đoàn nghệ thuật đứng ra biểu diễn. Đặc biệt, thành phần tham gia lễ hội cũng đã thay đổi nhiều, trước đây chỉ bao gồm người dân trong phum, sóc tham dự thì hiện nay có cả người Kinh, người Hoa cùng tham dự lễ hội [16]. Đồng thời, lễ hội ngày nay diễn ra không chỉ mang ý nghĩa cúng thần phật mà còn nhằm để quảng bá du lịch của địa phương. Tỉnh Sóc Trăng đã nâng quy mô và tổ chức Festival Đua ghe ngo của tỉnh Sóc Trăng với sự tham gia của nhiều khách du lịch trong và ngoài nước.

Bên cạnh việc không tổ chức một số lễ hội cho phù hợp với bối cảnh hiện tại thì một số lễ hội mới cũng xuất hiện: lễ thôi nôi, đầy tháng, sinh nhật, mừng thọ cũng được tổ chức ở người Khmer. Những lễ này thường được những gia đình có kinh tế khá giả tổ chức. Ngoài ra, đa số các trường học của người Khmer cũng tổ chức lễ rằm tháng tám (tết trung thu) và rất đông người Khmer cùng tham gia.

Hệ thống thông tin, truyền thông phát triển mạnh, điều này làm tăng khả năng tiếp nhận thông tin, tiếp cận với diễn biến thời sự trong nước và nước ngoài được kịp thời và nhanh chóng. Các đài phát thanh - truyền hình địa phương đã phát ổn định và dành thời lượng khá lớn cho tiếng các dân tộc. Tại tỉnh Sóc Trăng đài phát thanh - truyền hình tỉnh thực hiện chương trình phát thanh -

truyền hình chương trình tiếng Khmer thường xuyên: phát thanh 3 buổi/ ngày và về truyền hình là 2 buổi/ ngày. Báo Sóc Trăng cũng xuất bản bằng tiếng Khmer và phát hành miễn phí 1 kỳ/tuần, tập san Khmer ra 2 kỳ tuần [13]. Những hoạt động này tạo điều kiện cho người Khmer có thể tiếp nhận những giá trị văn hóa của các dân tộc trong nước và văn hóa nhân loại để làm phong phú hơn cho văn hóa của mình.

Không chỉ có vậy, các đặc trưng văn hóa khác của người Khmer hiện nay cũng có xu hướng thay đổi giống với người Kinh, đặc biệt là về trang phục, nhà ở. Người dân tại Sóc Trăng khi được hỏi đều cho rằng hiện nay họ sử dụng âu phục giống người Kinh nhằm đơn giản và thuận lợi hơn cho các hoạt động sinh hoạt thường ngày. Trang phục cổ truyền của người của mẹ cô dâu chú rể cũng khác xưa nhiều: họ mặc áo dài giống phụ nữ người Kinh, không mặc áo dài của người Hoa. Cũng từ nhu cầu sử dụng trang phục truyền thống không còn nhiều mà hiện nay rất khó có thể mua được một bộ trang phục truyền thống của người Khmer.

Nhà ở: từ những năm 1975, vùng người Khmer đã bắt đầu xuất hiện những ngôi nhà xây bằng gạch, cát, xi măng giống người Việt nhưng mái vẫn lợp lá theo truyền thống. Đến những năm 2000, mái nhà đã được cải tiến lợp tôn hoặc làm trần xi măng. Một sự cải biến ngôi nhà hiện nay so với trước đây đó là phần bếp và khu vệ sinh được thiết kế liền kề với khu nhà sẽ “*thuận lợi hơn đặc biệt đối với người già cho việc ăn uống, tắm rửa không cần phải đi xa, ban đêm ban hôm không phải ra khỏi nhà*” (PV, nam 72 tuổi, Phước Tân, Sóc Trăng). Mặc dù có sự thay đổi trong thiết kế để thuận lợi

hơn đối với sinh hoạt của các thế hệ trong gia đình. Nhưng khi dựng nhà người Khmer vẫn giữ thói quen nhờ thầy bói (Kruteay) hướng dẫn cho cách chọn ngày giờ tốt, chọn đất, chọn hướng nhà nhằm tránh những điều cấm kỵ cũng như phạm vào thần linh.

5. Xu hướng suy giảm một số đặc trưng trong văn hóa của người Khmer

Sự suy giảm một số đặc trưng văn hóa ở người Khmer xảy ra theo hai hướng, tích cực và tiêu cực. Tích cực ở chỗ, các đặc trưng văn hóa đặc biệt là các nghi lễ, lễ thức mang tính chất mê tín sẽ bị xóa bỏ cho phù hợp với hoàn cảnh mới. Như chúng ta đã biết, người Khmer có khoảng 30 các lễ tết bắt nguồn từ tín ngưỡng dân gian và bắt nguồn từ Phật giáo. Hệ thống các lễ tết này được chia thành: 1) *các lễ hội truyền thống của dân tộc* (Lễ cúng trăng, lễ cúng ông bà, lễ vào năm mới); 2) *các lễ hội bắt nguồn từ tín ngưỡng dân gian* (Lễ cắt tóc trả ơn mẹ, lễ giáp tuổi, lễ cưới,..); 3) *các lễ bắt nguồn từ Phật giáo* (lễ Phật đản, lễ nhập hạ, lễ xuất hạ, lễ dâng áo cà sa, lễ đi tu...) [16]. Trong quá trình đổi mới và hội nhập, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của người Khmer ở Sóc Trăng, đặc biệt là một số lễ hội mang tính chất mê tín đã không còn tổ chức: Arăk (lễ nhập thân), Niết Ta (lễ cúng ông tà), lễ ngàn núi... Bên cạnh đó, một số lễ hội đã rút ngắn thời gian tổ chức: lễ đặt cơm vắt, lễ dâng y cà sa, lễ Phật đản, lễ ra hạ... Các nghi lễ này trước đây tổ chức kéo dài trên 10 ngày, tốn nhiều thời gian và tiền bạc của người dân. Hiện nay, nhiều người

Khmer đi làm ăn xa ở các địa phương khác, cùng với những tuyên truyền vận động nếp sống mới mà các nghi thức và thời gian của các lễ hội trên cũng được rút ngắn chỉ còn 2-3 ngày.

Bên cạnh đó, sự mai một văn hóa truyền thống đang diễn ra do không còn nhiều nghệ nhân hiểu biết thông thạo về văn hóa truyền thống. Đồng thời, thanh niên hiện nay được giao lưu, tiếp xúc nhiều với các loại hình văn hóa mới, không có nhu cầu tìm hiểu văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Tại Sóc Trăng, kết quả tìm hiểu tại cộng đồng cho thấy, đa số người dân hiện nay ở trong nhà xây đồ trần xi măng giống như ngôi nhà của người Kinh. Lý do không phải hoàn toàn họ không muốn ở nhà sàn truyền thống của người Khmer mà vì không còn tìm được ai trong địa phương còn biết dựng nhà sàn truyền thống nữa. Cũng tương tự như vậy, người Khmer ngày nay đa số mặc quần áo theo kiểu âu phục giống như người Kinh, cũng có khi phụ nữ Khmer họ mặc áo dài tân thời trong các đám cưới như các cô gái Kinh Bắc, một trong các lý do đó là rất khó để may được một bộ xămpôt truyền thống của người Khmer, nếu muốn mua xămpôt phải đặt mua từ Campuchia trước đó từ 1 đến 2 tháng.

6. Kết luận

Người Khmer ở Sóc Trăng nói riêng và ở vùng Nam Bộ nói chung có bề dày lịch sử cư trú lâu đời đã tạo nên một nền văn hóa độc đáo và đa dạng. Trong quá trình công nghiệp hóa, hội nhập quốc tế, đặc trưng văn hóa của người Khmer nơi đây đang có xu

hướng biến đổi. Đó là: i) giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa người Khmer trong bối cảnh mới thông qua các văn bản, chính sách của nhà nước về việc gìn giữ bảo tồn văn hóa Khmer; ii) tiếp biến văn hóa thông qua giao lưu trong nước và hội nhập quốc tế; iii) suy giảm một số đặc trưng trong văn hóa của người Khmer. Trước thực trạng xu hướng thay đổi đó, để văn hóa của người Khmer mãi là một phần trong nền văn hóa đậm đà bản sắc 54 dân tộc Việt Nam, cần phải có những giải pháp đồng bộ trước mắt và lâu dài. Đó là tiếp tục nghiên cứu sưu tầm và bảo tồn các giá trị văn hóa của đồng bào Khmer một cách có hệ thống nhưng phải phù hợp với bối cảnh hội nhập trong nước và quốc tế. Khai thác một cách có hiệu quả những giá trị còn phù hợp; chủ động và tích cực trong việc đơn giản hóa các mặt lạc hậu trong tôn giáo tín ngưỡng. Đồng thời, đề cao vai trò quản lý của Nhà nước; nâng cao vai trò của cán bộ văn hóa là chủ thể của nền văn hóa đó. Đặc biệt, phát triển đời sống văn hóa phải được tiến hành song song với phát triển kinh tế, ổn định về chính trị để tạo bước tiến phát triển bền vững kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2009), *Tổng điều tra dân số và nhà ở*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [2] Ban Chấp hành Trung ương, Chỉ thị 19-CT/TW của Ban Bí thư về Tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới, ban hành ngày 10/1/2018

- [3] Trần Văn Bình (2004), *Văn hóa các dân tộc Tây Nam Bộ thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Trần Văn Bôn (2002), *Phong tục và nghi lễ vòng đời người Khmer Nam Bộ*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Mạnh Cường (2008), *Phật giáo Khmer Nam Bộ (Những vấn đề nhìn lại)*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
- [6] Phạm Thị Phương Hạnh (2011), *Văn hóa Khmer Nam Bộ - Nét đẹp trong bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [7] Trường Lưu (1993), *Văn hoá người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Văn hoá Dân tộc, Hà Nội.
- [8] Vũ Đình Mười (2014), “Biến đổi kinh tế - xã hội của người Khmer từ năm 1980 đến nay: Các nghiên cứu và nhận diện”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 1&2 (185).
- [9] Đoàn Thanh Nô (2002), *Người Khmer ở Kiên Giang*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [10] Huỳnh Thanh Quang (2011), *Giá trị văn hóa Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [11] Nguyễn Văn Thắng (2011), *Một số vấn đề cơ bản về dân tộc Khmer ở Nam Bộ*. Báo cáo đề tài cấp Bộ, Viện Dân tộc học.
- [12] Tiền Văn Triệu, Lâm Quang Vinh (2015), *Lễ hội truyền thống của người Khmer Nam Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [13] Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (2018), *Báo cáo thực trạng đời sống đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Sóc Trăng*, Sóc Trăng.
- [14] Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (2018), *Báo cáo biến đổi văn hóa dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng*.
- [15] Viện Văn hóa (2014), *Văn hóa người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [16] Nguyen Thi Song Ha, Pham Thi Cam Van (2019), “Changes in the Culture of Ethnic Khmer People in Southern Vietnam in the Context of Renovation and Integration”, *Journal of Mekong Societies*, Vol. 15 No.3.